

**Phần 24. BỆNH THẬN, BÀNG QUANG**

303. **Viêm cầu thận:** *Tử cung.*
304. **Viêm thận:** *Thận nhiệt huyết.*
305. **Sa thận:** *Yêu nhỡn, Bĩ căn.*
306. **Viêm đường tiết niệu:** *Thận nhiệt huyết.*
307. **Viêm bàng quang:** *Hạ cực du, Tử cung.*
308. **Căng bàng quang:** *Yến khâu, Kinh trung.*
309. **Bệnh các nội tạng trong hố chậu:** *Giáp tích L1-S4.*
310. **Viêm hố chậu:** *Tử cung, Hạ chùy.*
311. **Viêm hố chậu mạn:** *Tân Khí huyết.*
312. **Đái đêm:** *Dạ niệu.*
313. **Bại liệt gây đái không cầm:** *Hạ Trung cực.*
314. **Bại liệt gây ra trở ngại chức năng bàng quang:** *Âm biên.*
315. **Đái dầm:** *Can viêm điểm, Di niệu, Dạ niệu, Long môn, Chỉ tả, Trường phong.*
316. **Tiêu khát:** *Kim tân, Ngọc dịch, Tụ tuyền, Thiệt trụ, Hải tuyền.*
317. **Đái đường:** *Bát chùy hạ, Thận hạ, Tụy du.*
318. **Bí tiểu tiện:** *Chỉ tả.*
319. **Viêm tinh hoàn:** *Tử cung, Trường di, Yêu nhỡn, Mấu chỉ lý hoành văn.*
320. **Di tinh:** *Trường phong, Di tinh, Huyết phủ.*
321. **Xuất tinh sớm:** *Di tinh.*
322. **Ngứa bộ hạ:** *Di tinh.*
323. **Sán khí:** *Cứu tam giác, Đề thác huyết.*